



BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

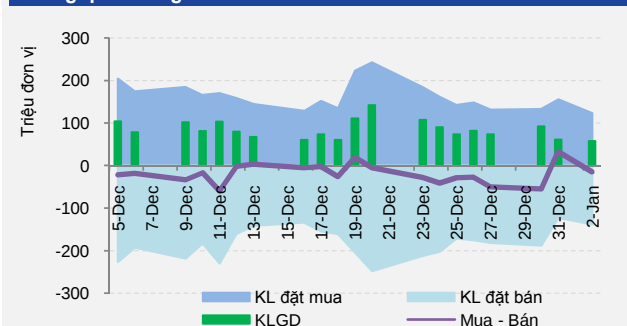
Phiên giao dịch ngày:

2/1/2014

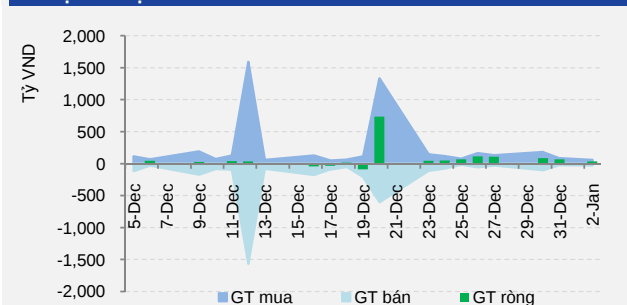
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	504.5	67.9
% Thay đổi	↓ 0.0%	↑ 0.1%
KLGD (CP)	57,717,674	33,404,301
GTGD (tỷ đồng)	906.31	267.98
Tổng cung (CP)	137,841,860	64,015,300
Tổng cầu (CP)	123,528,410	71,064,100

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	733,184	157,508
KL mua (CP)	2,118,514	252,855
GTmua (tỷ đồng)	61.41	4.13
GT bán (tỷ đồng)	27.08	1.87
GT ròng (tỷ đồng)	34.33	2.26

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.59%	7.2	1.6	1.8%
Công nghiệp	↑ 0.36%	250.6	1.1	20.3%
Dầu khí	↓ -0.17%	7.8	1.5	1.7%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.17%	14.3	1.9	4.6%
Dược phẩm và Y tế	↑ 1.06%	8.9	2.9	1.2%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.12%	12.1	4.8	22.7%
Ngân hàng	↑ 0.04%	10.7	1.2	2.8%
Nguyên vật liệu	↑ 0.15%	10.3	2.0	7.2%
Tài chính	↓ -0.20%	17.2	2.4	30.4%
Tiền ích Cộng đồng	↑ 0.06%	9.1	3.3	7.3%
VN - Index	↓ -0.02%	12.8	2.9	78.6%
HNX - Index	↑ 0.13%	17.3	1.6	21.4%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE				
	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	1,115,870	1.9%	1,081,940	1.9%
GTGD (tỷ VND)	23,587	2.6%	19,494	2.2%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Chỉ số VN-Index giảm điểm nhẹ với thanh khoản thấp trong phiên giao dịch đầu năm mới. Quan điểm thận trọng đã quay trở lại trước thông tin quyết định nới lỏng tỷ lệ sở hữu của NĐTNN tại DNNY chưa thể sớm ban hành trong vài ngày tới. Áp lực cung có xu hướng tăng về cuối phiên, phản ứng với đường biên dưới của kênh tăng giá thiết lập từ tháng 10/2013, cũng như diễn biến thị trường cho tín hiệu động lực thị trường yếu.

Chỉ số HNX-Index tăng điểm nhẹ với KLGD giảm khá so với phiên trước. Áp lực cung có chiều hướng tăng về nửa cuối phiên giao dịch, khi HNX-Index tiến gần ngưỡng cản kỹ thuật 68.5 điểm. Dòng tiền tại sàn HNX phần lớn vẫn chỉ tập trung tại một nhóm cổ phiếu. Còn lại đa số cổ phiếu hầu như không có giao dịch hoặc thanh khoản rất thấp.

Chỉ số Index dao động hẹp với thanh khoản thấp chưa cho tín hiệu mới về kỹ thuật. Thị trường vẫn đang trong xu hướng dao động hẹp trong kênh giá, VN-Index khoảng 500-513 điểm, HNX-Index khoảng 67-68.5 điểm, đi kèm với sự phân hóa dòng tiền dựa trên yếu tố cơ bản của cổ phiếu.

Với thực tế lực cầu tham gia thị trường còn thận trọng, chỉ số chung trong ngắn hạn dự báo khó thoát khỏi kênh dao động hẹp đã thiết lập. Trong xu hướng chung thị trường dao động tích lũy, vấn đề quan trọng là lựa chọn cổ phiếu, ưu tiên yếu tố cơ bản và được dòng tiền quan tâm.

- VN-Index giảm 0.12 điểm (0.02%), xuống 504.51 điểm. Mức thấp nhất thiết lập trong phiên là 503.04 điểm.

- HNX-Index tăng 0.09 điểm (0.13%), lên 67.93 điểm. Mức cao nhất thiết lập trong phiên là 68.2 điểm.

- Thông tin từ UBCKNN, hiện quy định nới tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu cho NĐTNN tại doanh nghiệp vẫn đang được Chính phủ xem xét và chưa thể ban hành trong vài ngày tới như thông tin Reuters cung cấp. UBCKNN mới được yêu cầu sửa đổi một số điểm trong dự thảo, vừa trình Chính phủ trở lại. Không loại trừ trường hợp Chính phủ sẽ phải lấy ý kiến bộ ngành, do vậy, thời gian công bố có thể chậm hơn so với dự kiến.

- Chỉ số PMI Việt Nam tháng 12.2013 do HSBC tính toán tăng lên 51.8 điểm, mức cao nhất kể từ tháng 11/2011 và là tháng cao hơn 50 điểm thứ tư liên tiếp. Các điều kiện hoạt động trong lĩnh vực sản xuất của Việt Nam đã được cải thiện trong tháng 12 khi sản lượng và việc làm tăng với tốc độ nhanh hơn và được hỗ trợ bởi mức tăng trưởng trở lại của số lượng đơn đặt hàng mới. Trong khi đó, hoạt động mua hàng đã tăng với tốc độ nhanh nhất trong lịch sử khảo sát. Tốc độ tăng chi phí đầu vào đã gia tăng nhẹ, nhưng các nhà sản xuất đã giảm giá đầu ra của họ nhằm tăng số lượng đơn đặt hàng mới. HSBC đánh giá lĩnh vực sản xuất của Việt Nam sẽ tiếp tục xu hướng cải thiện trong năm 2014.

- NHNN sẽ xem xét và đề xuất Chính phủ mở rộng thêm nhóm ngân hàng tham gia cho vay gói tín dụng ưu đãi, ngoài 5 NHTM Nhà nước hiện nay. Thủ tục hồ sơ và điều kiện xét duyệt không thay đổi. Đề xuất này nằm trong nỗ lực cải thiện hiệu quả gói tín dụng hỗ trợ nhà ở trị giá 30 nghìn tỷ đồng, vốn được đánh giá là giải ngân quá chậm chạp khi cả năm 2013 chỉ giải ngân được 2%.



VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Đi ngang	Tăng	Đi ngang

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Điều chỉnh	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index giảm 0.12 điểm (0.02%), xuống 504.51 điểm. Mức thấp nhất thiết lập trong phiên là 503.04 điểm.

- KLGD giảm 7% so với phiên trước, xuống 54 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 giảm nhẹ xuống mức 48 điểm, động lực thị trường ở mức thấp. Chỉ báo MACD 9 ngày vẫn dao động phía dưới đường tín hiệu và đã giảm xuống dưới mức 0.

Nhận định: Chỉ số VN-Index giảm điểm nhẹ với thanh khoản thấp trong phiên giao dịch đầu năm mới. Quan điểm thận trọng đã quay trở lại trước thông tin quyết định nới lỏng tỷ lệ sở hữu của NĐTNN tại DNNY chưa thể sớm ban hành trong vài ngày tới. Áp lực cung có xu hướng tăng về cuối phiên, phản ứng với đường biên dưới của kênh tăng giá thiết lập từ tháng 10/2013, cũng như diễn biến thị trường cho tín hiệu động lực thị trường yếu.

Chỉ số VN-Index dao động hẹp với KLGD thấp chưa cho tín hiệu mới về kỹ thuật. Thị trường vẫn đang trong xu hướng dao động hẹp trong kênh giá khoảng 500-513 điểm, đi kèm với sự phân hóa dòng tiền dựa trên yếu tố cơ bản của cổ phiếu, chú trọng nền tảng KQKD.

Với thực tế lực cầu tham gia thị trường còn thận trọng, chỉ số HNX-Index trong ngắn hạn dự báo khó thoát khỏi kênh dao động hẹp đã thiết lập. Trong xu hướng chung thị trường dao động tích lũy, vấn đề quan trọng là lựa chọn cổ phiếu, ưu tiên yếu tố cơ bản và được dòng tiền quan tâm.

HNX-INDEX

- HNX-Index tăng 0.09 điểm (0.13%), lên 67.93 điểm. Mức cao nhất thiết lập trong phiên là 68.2 điểm.

- KLGD giảm 15% so với phiên trước, xuống 32 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI 14 tăng nhẹ lên mức 5. điểm, tâm lý thị trường có cải thiện. Chỉ báo MACD 9 ngày vẫn dao động phía dưới đường tín hiệu, chỉ báo về xu hướng giảm.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index tăng điểm nhẹ với KLGD giảm khá so với phiên trước. Áp lực cung có chiều hướng tăng về nửa cuối phiên giao dịch, khi HNX-Index tiến gần ngưỡng cản kỹ thuật 68.5 điểm. Dòng tiền tại sàn HNX phần lớn vẫn chỉ tập trung tại một nhóm cổ phiếu.

Chỉ số HNX-Index dao động hẹp với thanh khoản thấp chưa cho tín hiệu mới về kỹ thuật. Thị trường dự báo tiếp tục dao động trong kênh tăng giá trung hạn kéo dài từ giữa tháng 9 đến nay. Ngưỡng cản kỹ thuật quan trọng đối với thị trường là khoảng 68.5-69.5 điểm.

Với thực tế lực cầu tham gia thị trường còn thận trọng, chỉ số HNX-Index trong ngắn hạn dự báo khó thoát khỏi kênh dao động hẹp đã thiết lập. Trong xu hướng chung thị trường dao động tích lũy, vấn đề quan trọng là lựa chọn cổ phiếu, ưu tiên yếu tố cơ bản và được dòng tiền quan tâm.

TOP CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI 9 THÁNG 2013 CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN
1	GAS	HOSE	17066.94	104.3%	2989.03	120.4%	48869.23	92.1%	10189.98	42.5%	132.5%	219.0%
2	VIC	HOSE	8469.59	660.5%	1874.71	1964.3%	11600.52	228.9%	5956.06	340.6%	79.4%	1278.0%
3	VNM	HOSE	8027.72	121.3%	1690.47	121.1%	22774.57	116.8%	5064.09	21.4%	81.3%	4900.0%
4	DPM	HOSE	1902.32	56.4%	365.09	65.7%	8001.97	76.5%	1958.21	-21.5%	102.3%	2949.0%
5	HPG	HOSE	4194.85	104.3%	496.09	171.8%	12474.01	98.8%	1464.62	78.9%	122.1%	4492.0%
6	PPC	HOSE	1200.53	174.8%	99.43	181.8%	4845.61	167.8%	1399.38	1791.8%	417.2%	1130.0%
7	PVD	HOSE	3865.87	116.1%	520.03	105.8%	10395.31	124.9%	1392.61	20.6%	102.4%	3879.0%
8	FPT	HOSE	12000.6	121.6%	330.59	97.7%	29948.2	105.2%	1133.7	3.9%	57.1%	4900.0%
9	PVS	HNX	7665.17	114.1%	482.2	137.1%	19289.7	106.3%	1024.4	8.8%	129.7%	2329.0%
10	REE	HOSE	560.74	101.6%	199.87	260.2%	1683.5	97.0%	838.95	71.8%	129.1%	4503.0%

CỔ PHIẾU CÓ KẾT QUẢ KINH DOANH LỖ TRONG 2 NĂM LIÊN TIẾP VÀ 9T/2013

STT	Mã	Sàn	LNST 2011	LNST 2012	LNST Q1 (tỷ)	% so Q1.2012	LNSTQ2 (tỷ)	% so Q2.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	LNST 9T (tỷ)	% so 9T.2012
1	GGG	HNX	(65.26)	(27.34)	0.07	100.8%	(7.05)	11.8%	(7.01)	6.8%	(13.99)	42.6%
2	HHL	HNX	(12.96)	(14.13)	(0.78)	80.5%	(2.89)	20.8%	(0.75)	48.3%	(4.42)	51.4%
3	ILC	HNX	(31.81)	(9.76)	(3.74)	-94.8%	(5.22)	31.9%	(3.41)	-1520.8%	(12.37)	-32.3%
4	KSD	HNX	(16.43)	(34.90)	(0.81)	95.9%	(1.62)	88.1%	1.11	223.3%	(1.32)	96.1%
5	MIC	HNX	(15.16)	(9.73)	0.16	106.0%	0.10	102.1%	(1.07)	-136.9%	(0.81)	82.4%
6	MMC	HNX	(2.78)	(3.96)	(2.74)	-3.4%	(1.04)	-79.3%	(1.17)	-20.6%	(4.95)	-17.9%
7	PHS	HNX	(47.39)	(101.47)	(2.27)	83.6%	(3.73)	89.8%	(8.13)	48.8%	(14.13)	78.7%
8	PVA	HNX	(2.16)	(144.87)	(2.43)	-169.8%	(16.29)	-1562.2%	(3.71)	70.9%	(22.43)	-118.8%
9	PVX	HNX	(19.12)	(1,338.39)	(31.87)	-578.5%	(1,194.45)	-151.7%	(173.22)	-1095.4%	(1,399.54)	-190.2%
10	S96	HNX	(46.90)	(5.15)	(0.79)	13.2%	(0.19)	79.3%	(0.31)	80.3%	(1.29)	62.1%
11	SDB	HNX	(28.93)	(35.74)	(8.37)	-46.8%	(14.75)	-38.6%	(9.89)	-5.2%	(33.01)	-28.2%
12	SDY	HNX	(17.88)	(4.83)	(4.01)	-56.0%	(3.68)	-183.1%	(0.81)	-143.1%	(8.50)	-327.1%
13	SHN	HNX	(146.02)	(127.02)	(2.70)	84.4%	(53.16)	22.0%	(6.75)	72.0%	(62.61)	42.9%
14	SJM	HNX	(8.38)	(11.54)	(0.91)	-175.8%	0.23	103.5%	0.07	102.3%	(0.61)	93.9%
15	VCV	HNX	(6.54)	(44.15)	(9.80)	-230.0%	(15.31)	-42.3%	(6.80)	30.7%	(31.91)	-35.6%
16	VHH	HNX	(3.77)	(1.34)	(1.98)	-275.2%	0.25	-51.9%	(1.29)	32.8%	(3.02)	-1018.5%
17	VTC	HNX	(7.55)	(3.28)	(2.53)	23.3%	(0.80)	28.6%	0.26	117.9%	(3.07)	47.7%

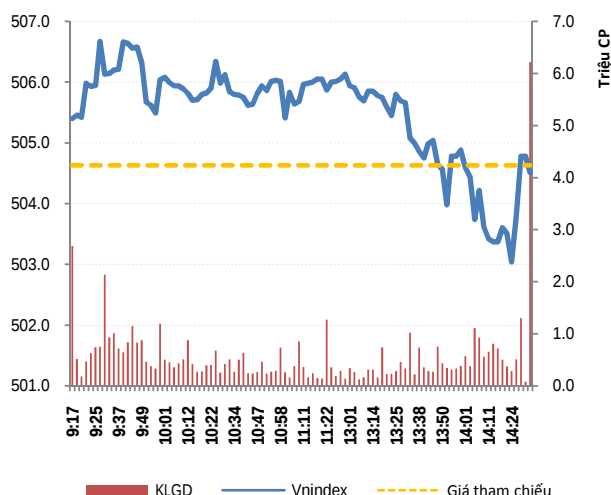
Ghi chú: Top cổ phiếu lợi nhuận chỉ lọc những CP có KLGD bình quân trong 1 tháng gần nhất trên 50.000 cổ phiếu/phiên

Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 11/12/2013

EPS tính theo 4 quý gần nhất, BVPS tính theo BCTC gần nhất



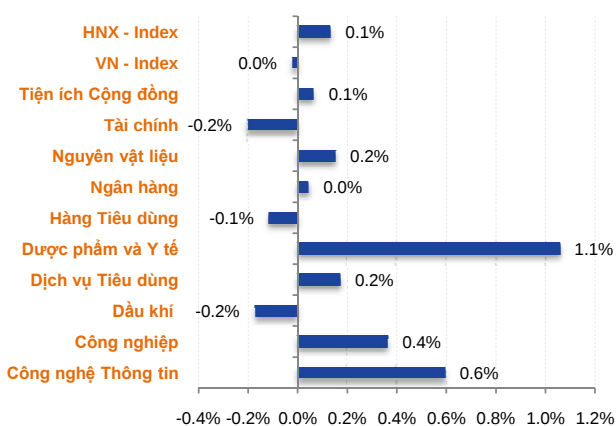
KLGD và VN-Index trong phiên



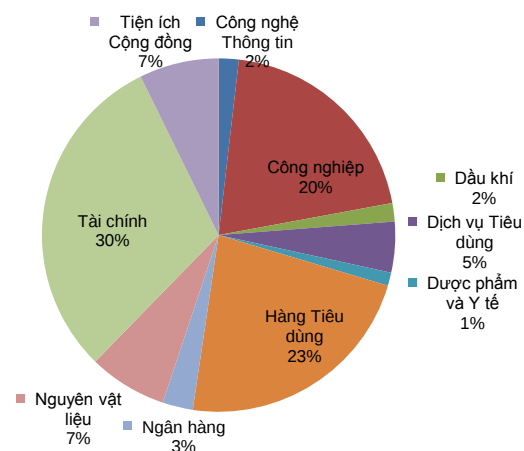
KLGD và HNX-Index trong phiên



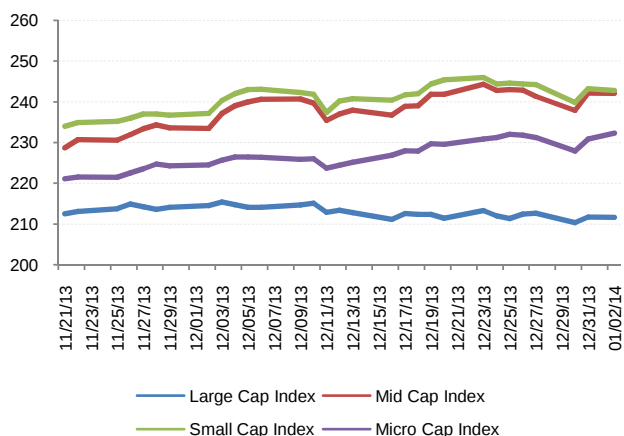
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



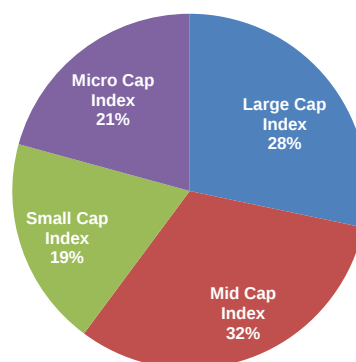
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SVC	527,610	SSI	69,610
2	PPC	194,880	DIG	50,000
3	HPG	151,340	VIC	34,240
4	VSH	125,590	VNG	33,610
5	GAS	122,780	TDC	30,000

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	111,000	PVG	41,300
2	POT	20,800	PVX	22,000
3	SDT	20,000	VCS	19,700
4	PVC	15,000	DBC	16,500
5	FIT	10,000	PFL	10,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
FLC	8.8	9.4	↑	6.82%	7,470,310
HQC	7.7	7.8	↑	1.30%	2,929,200
ITA	6.6	6.5	↓	-1.52%	2,830,820
SSI	18.0	18.0	→	0.00%	2,523,710
HAR	8.0	8.5	↑	6.25%	2,473,370

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
PVX	3.0	3.3	↑	10.00%	3,987,776
SHN	3.3	3.5	↑	6.76%	3,792,181
KLF	14.1	14.3	↑	1.60%	3,139,500
SCR	7.6	7.7	↑	1.32%	2,998,400
VCG	10.1	10.2	↑	0.79%	1,748,340

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VLF	5.8	6.2	0.4	↑ 6.90%
TYA	7.3	7.8	0.5	↑ 6.85%
FLC	8.8	9.4	0.6	↑ 6.82%
DMC	47.3	50.5	3.2	↑ 6.77%
COM	27.0	28.8	1.8	↑ 6.67%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SDC	6.4	7.4	1.0	↑ 15.63%
IDV	19.0	20.9	1.9	↑ 10.00%
PVX	3.0	3.3	0.3	↑ 10.00%
SDY	2.0	2.2	0.2	↑ 10.00%
VE4	8.0	8.8	0.8	↑ 10.00%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HDC	18.8	17.5	-1.3	↓ -6.91%
SGT	4.4	4.1	-0.3	↓ -6.82%
CIG	3.1	2.9	-0.2	↓ -6.45%
KAC	9.6	9.0	-0.6	↓ -6.25%
RIC	6.4	6.0	-0.4	↓ -6.25%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PHC	4.0	3.6	-0.4	↓ -10.00%
TAG	45.0	40.5	-4.5	↓ -10.00%
BXH	10.1	9.1	-1.0	↓ -9.90%
LBE	12.3	11.1	-1.2	↓ -9.76%
SRA	3.2	2.9	-0.3	↓ -9.38%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	7,470,310	6.3%	990	9.5	0.6
HQC	2,929,200	4.2%	452	17.3	0.7
ITA	2,830,820	0.2%	26	252.2	0.6
SSI	2,523,710	9.9%	1,471	12.2	1.2
HAR	2,473,370	3.0%	306	27.8	0.8

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVX	3,987,776	-92.1%	(5,013)	-	0.9
SHN	3,792,181	-135.7%	(2,464)	-	4.4
KLF	3,139,500	5.8%	880	16.8	1.4
SCR	2,998,400	-1.1%	(160)	-	0.5
VCG	1,748,340	3.4%	403	24.8	0.8

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VLF	↑ 6.9%	-18.8%	(2,390)	-	0.5
TYA	↑ 6.8%	11.9%	1,228	6.4	0.7
FLC	↑ 6.8%	6.3%	990	9.5	0.6
DMC	↑ 6.8%	16.7%	5,583	9.0	1.4
COM	↑ 6.7%	7.8%	2,027	14.2	1.1

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SDC	↑ 15.6%	6.6%	1,254	5.9	0.4
IDV	↑ 10.0%	39.0%	4,073	5.1	1.8
PVX	↑ 10.0%	-92.1%	(5,013)	-	0.9
SDY	↑ 10.0%	-37.8%	(2,662)	-	0.3
VE4	↑ 10.0%	6.9%	987	8.9	0.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SVC	527,610	5.8%	1,699	8.9	0.5
PPC	194,880	39.7%	6,105	4.2	1.5
HPG	151,340	18.6%	3,913	10.5	1.9
VSH	125,590	7.7%	963	15.4	1.2
GAS	122,780	40.9%	6,696	9.9	3.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	111,000	17.3%	2,872	7.1	1.2
POT	20,800	3.2%	482	15.6	0.5
SDT	20,000	15.9%	3,430	4.1	0.6
PVC	15,000	5.9%	1,057	13.6	0.9
FIT	10,000	6.4%	741	22.3	1.5

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	126,018	40.9%	6,696	9.9	3.8
VNM	112,518	40.5%	8,053	16.8	6.7
VIC	63,611	47.1%	6,710	10.4	3.9
VCB	61,875	9.8%	1,757	15.2	1.5
CTG	61,064	16.0%	2,287	7.2	1.2

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,468	7.5%	1,027	15.3	1.1
PVS	9,068	17.3%	2,872	7.1	1.2
SQC	8,602	1.6%	198	395.7	6.4
SHB	6,025	17.1%	1,884	3.6	0.6
OCH	5,520	5.9%	687	40.2	2.6

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HAR	4.62	3.0%	306	27.8	0.8
CLG	4.02	12.5%	1,402	6.4	0.8
PXM	3.75	670.8%	(12,445)	-	(0.2)
VNE	3.56	0.4%	38	174.6	0.6
DIG	3.42	0.2%	28	435.4	0.7

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TTZ	6.98	-0.2%	(21)	-	0.4
PVX	4.75	-92.1%	(5,013)	-	0.9
SHN	4.74	-135.7%	(2,464)	-	4.4
PVA	4.57	-142.4%	(6,367)	-	0.8
PFL	4.57	-16.1%	(1,522)	-	0.3



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)